



Bài thường xuyên của
BÌNH NGUYỄN LỘC
viết cho Khởi Hành
số 115. 116. 117. 118

Bài thường xuyên viết cho Khởi Hành

số 115, 116, 117, 118

Bình Nguyên Lộc

**bài thường xuyên
viết cho Khởi Hành**

Bình Nguyên Lộc

Bìa: *M.C.P*

Nguồn: *Thư Quán bản thảo*

**bài thường xuyên
viết cho **Khởi Hành****

BÌNH NGUYỄN LỘC

**Tuần báo KHỞI HÀNH
số 115, 116, 117, 118**

MỤC LỤC

1. Cái vạ Hùng Vương Khởi hành số 115 * 29-7-1971	9
2. Chiếc nón bài thơ Khởi hành số 116 * 05-8-1971	24
3. Ai sản xuất Khởi hành số 117 * 12-8-1971	37
4. Nghệ phẩm di cư Khởi hành số 118 * 19-8-1971	51

CÁI VỤ HÙNG VƯƠNG

Từ hơn một năm nay, người ta nói nhiều đến việc tái lập đền Hùng ở Sài Gòn, và người ta nói mà không làm, cứ mong đợi ở chánh quyền.

Tại sao kỳ lạ như vậy? Một ngôi đền Hùng, xây cất giống hệt như ngôi đền Hùng đất Bắc, tưởng 10 lần sẽ hơn chùa Vĩnh Nghiêm. Thế thì tư hơn thừa sức làm, mà không cần sự góp sức của ông nhà giàu nào cả, ai có lòng, cứ chung đậu

vài trăm bạc là xong, vì số người có lòng rất đông.

Sở dĩ các ông đợi ở chánh quyền vì các ông đòi một đăm đất, có ông đòi cát ngay giữa đại lộ Thống Nhất mà như vậy thì dĩ nhiên phải có sự ưng thuận của chánh quyền.

Nhưng thử hỏi vua Hùng có thích cư ngụ ở đại lộ Thống Nhất hay không chớ?

Đột ngột cao sơn, cổ Việt, Hùng thị

Đó là những chữ ghi trong bài vị ở đền thờ cũ, tại đất Bắc. Vua Hùng có đâu mà thềm nằm giữa Hà Nội bao giờ.

Miền Nam là đồng bằng, nhưng vẫn có núi, mà ngọn núi gần Saigon nhưt, để cho dân Saigon để thăm viếng là núi Châu Thới. Sao không ai nghĩ đến trái núi nhỏ ấy, lại cứ đòi cạm dùi trước dinh

Độc Lập chi cho phải lệ thuộc chánh quyền.

Có lẽ các ông sợ mỗi chơn nếu hằng năm, vi « công vụ » phải đi viếng đền Hùng một lần. Nhưng các ông đi toàn bằng công xa thứ thượng hảo hạng thì cho dẫu phải đi xuống tận núi Sập cũng chẳng sao.

Chỉ có ba thằng dân là phải đi bộ, mà ba thằng dân lại không đòi hỏi cạm dùi ở đại lộ Thống Nhất bao giờ, trái lại, chúng nó mong vua Hùng được thờ phụng tại một nơi xa bụi trần ô trọc là cái thành phố đầy dẫy rác rến, buồn lậu và mãi dâm này...

Nhưng câu chuyện chưa hết đâu. Từ năm 1918, hai nhà nho Tây đã làm con một sách Tàu để chứng minh là không bao giờ có vua Hùng Vương.

Và gần đây một vị giáo sư đại học Việt Nam đã cóp lại (mà không nói là mình cóp, làm như tự mình phát minh ra).

Các học giả ta đã phản ứng mạnh. Nhưng phải thú thật rằng họ chỉ bác được ý kiến của hai nhà nho Tây, chớ cũng không chứng minh được là có vua Hùng Vương.

Như vậy, xin các ngài treo giải thưởng về sử địa, ai chứng minh được rằng có vua Hùng Vương thì chùng ấy hãy xây đền, cũng chẳng muộn.

Ta tin chắc rằng có vua Hùng Vương là vua tổ của là thì là cứ thờ, bất cần ai nói gì mặc họ. Nhưng mà những cái ông bác học ấy đã gieo hoài nghi thì tín ngưỡng, ngưỡng mộ của con cháu ta sẽ giảm đi cho đến một ngày kia, chúng nó

không buồn thờ nữa, thì ta xây đền tốn bạc triệu để làm gì?

Ấy, sự hoài nghi đó do chính một giáo sư đại học Việt Nam gieo mầm thì không phải là chuyện chơi, bởi mỗi năm ông ấy luyện và đưa ra thị trường trí thức hàng ngàn thanh niên ăn học cao, không tin ở vua Hùng Vương nữa và hàng ngàn thanh niên ấy sẽ lấy vợ sanh con, và số người không tin chùng mười năm nữa, sẽ lên đến hàng triệu rồi mới làm sao đây?

Có người đã kích suông vị giáo sư đó mà không đưa ra được bằng chứng nào cụ thể vững vàng, trừ lòng yêu tổ quốc, thì chẳng ai lung lay cuộc tuyên truyền của vị giáo sư đó được, trong khi đó thì chính đền Hùng lại bị lung lay.

Tưởng các ông to mồm đòi xây đền Hùng nên bỏ ra chừng năm chục ngàn bạc để thưởng cho ai chứng minh được rằng có vua Hùng Vương là diệu kể vậy.

Hiện nay có vài học giả có đủ bằng chứng trong tay là có vua Hùng Vương, họ biết cả vua Hùng Vương từ đâu đến Bắc Việt để làm vua (không phải từ Hoa Nam như nhiều người tưởng) họ biết cả vua Hùng Vương nói ngôn ngữ nào, vũ khí ra sao nữa, nhưng họ không nói ra được cho ai nghe cả, vì phải nói liên tiếp 5 ngày mới xong câu chuyện thì chỉ có trời mà đủ sức nói, trong một cuộc thuyết trình.

Nhưng nếu có một giải thưởng như vậy, có lẽ họ sẽ đủ tiền quay roneo tài liệu của họ ra. Và chừng đó bỏ 10 triệu bạc để xây đền Hùng mới không uổng?

Trở về trái núi Châu Thời mà các sách sử địa của miền Bắc gọi là núi Chiêu Thái, có sách lại viết cả là núi Triều Thái nữa mới dị kỳ.

Châu, có muốn biến thì biến thành Chu, chớ sao lại biến thành Chiêu hử các ông nội? Còn biến thành Triều thì đúng là một trò trêu cợt địa danh.

Ấy, trái núi nhỏ ấy đã bị Huê Kỳ di sơn đảo hải từ khuya. Nó bị những chiếc xe ủi đất ngoạm đứt ngon lành hết phân nửa. Ngôi chùa cổ cất trên đó hiện giờ nằm cheo leo bên bờ hố để đợi ngày rơi từ 66 thước cao xuống đất, chớ không còn nằm giữa núi như khi xưa nữa.

Đất núi đã bị xén để đắp xa lộ Biên Hòa ấy mà.

Nhưng được cái là núi không còn lài

ở phía đó mà dựng đứng như một bức tường, và nếu ta xây đền Hùng trên đó thì thật đúng với bài vị Đột ngột cao sơn vì từ chơn núi lên tới đỉnh cao đột ngột như một cái buynh đình.

Chỉ hơi phiền là phải trồng cỏ ở cái vách đất đó, nếu không, qua chừng 20 mùa mưa là trái núi sẽ sập, và đó là trái núi Sập Thủ Đức chứ không phải núi Sập ở Thất Sơn nữa.

Nhưng ai có đi qua đó gần đây, sẽ thấy là người ta cứ tiếp tục đào đất ở đó, phía bên đất lồi. Như vậy trái núi ấy, không đợi 20 năm mới sập mà sẽ sập vài năm tới đây.

Và vĩnh biệt đền Hùng vậy.

Chúng tôi thấy hiện trong khuôn viên của khám lớn cũ, tức ngay trước thư

viện Mai Thọ Truyền, một trái núi nhơn tạo, nằm ngay sau Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa.

Trái núi đất con ấy, nhỏ hơn trái núi nhơn tạo tên là núi Nùng ở Hà Nội một tí. Nhưng xem chừng thì nếu đũa đất cao ở các nơi khác trong khuôn viên lại thì nó sẽ cao hơn.

Đền Hùng xây cất trên trái núi giả ấy cũng khá ổn, mà khỏi tốn tiền công quỹ chở đất ấy đem đổ xuống sông.

Khi dinh Độc lập được tái thiết thì khối đất và đá chở đi bỏ như vậy, tốn đến bạc triệu tiền xe chở không phải ít.

Mặc dầu đó là xe của công binh, nhưng xe công binh vẫn một xăng, mòn bánh và tốn tiền lương cho tài xế, mặc dầu là lương lính.

Mà từ dinh Độc Lập, đi xuống Phủ Quốc Vụ Khanh chỉ có mấy bước. Nếu có ai lo nghĩ đến đền Hùng thì trái núi giả hiện có ngày nay đã cao bằng ba bảy giờ, tức là còn oai hùng hơn nhiều lắm.

Thật là phí của trời, hay nói cho đúng hơn là của dân. Không khéo ngày nào đây lại phải thuê xe chở trái núi hiện có đi đổ xuống sông nữa thì rất là hoài của.

Vua Hùng Vương chễm chệ ngồi trước thư viện, bên hông Phủ Quốc Vụ Khanh là rất phải chỗ, chớ ngồi chung Vương Cung Thánh Đường như nhiều ông đòi hỏi thì e nhà vua sẽ bỡ ngỡ chằng?

Nói thế chớ vẫn cứ còn chỗ tốt cho vua Hùng. Trên đầu nghĩa địa của gia đình Hui Bon Hoa là một gò nông Khá

Cao. Xông đền Hùng ở đó, tưởng thanh khiết hơn là giữa đô thành.

Nhưng coi chừng động long mạch của họ ấy, họ chấp đổi bằng tiền thì cũng ô rờ voa cái đền Hùng.

Thật là tủi thân cho dân Đại Cổ Việt. Chỉ có một ông vua mà không lo được một chỗ phụng thờ. Đó là vua không có đất cặm dùi, mặt dầu ta đã thu hồi độc lập.

Riêng chúng tôi, chúng tôi nhận thấy thành phố Saigon đang thiếu một cái hồ đẹp như ở Hà Nội. Với đất bùn ở Saigon và hai ba cái xáng múc đất thì chừng ba tháng, ta tạo được một cái hồ khá to và khá xinh.

Đất múc lên, sẽ được đắp thành một trái núi giả mười lần to hơn trái núi trước

thư viện đang xây cất, đã ám chỉ đến khi này.

Bao nhiêu hàng lậu tịch thu được, chẳng biết đi vào túi của ai, chớ nếu bán hết thì thừa tiền để đào cái hố như tạo, đắp trái núi như tạo, và xây cái đền thờ đó.

Nhưng coi chừng. Không khéo người ta sẽ lập ra ba cái Ủy Ban: Ủy ban đào hố, Ủy ban đắp núi và Ủy ban xây đền thì một trăm năm nữa cũng chẳng có gì hiện ra, bởi khả năng làm việc của các Ủy ban, dân chúng đã biết rõ từ khuya.

Kể ra thì cũng hơi kỳ kỳ. Nha Lý cổ gần một ngàn năm, chẳng có chiếc xe ủi đất nào hết, mà lại đắp rồi một trái núi Nùng bên bờ sông Nhị, còn là ngày nay có đủ cả máy móc tối tân lại không đắp nổi một trái núi “Hùng”.

Ở Đông Kinh, họ đắp cả một trái núi đá cao ngất, cao hơn lũy quán Casilles nữa, để cho những nhà thể thao tập dượt trèo núi thật, thì tưởng không có công trình nào mà loài người làm không được.

Chỉ có muốn làm hay là không. Vấn đề công quỹ. ngân sách, không nên đưa ra để làm một cái bình phong. Nếu hô hào mỗi công dân mang một túi đất nhỏ đến cái nơi nào đó để đắp một trái núi hầu xây đền Hùng lên, thì chắc chắn trong vòng 12 tháng, trái núi ấy sẽ mọc cho mà coi, ngân sách thì để dùng vào những việc tầm ruồng khác, trái núi vẫn hiện lên như thường, chỉ nhờ độc lòng yêu tổ quốc của dân làm.

Báo Khởi Hành xin cổ võ đề nghị trên và xin đồng bào cứ tự động chọn một miếng đất công ở ngoài thành phố, như cái go trên đầu nghĩa địa Hui Bon

Hoa chẳng hạn, mảnh đất ấy vốn nằm dựa con đường Thiên lý ngàn năm của dân ta thời rất tiện cho vua Hùng di cư từ Bắc vào Nam, khỏi phải nhờ ai chỉ dẫn đường sá hết.

KHỞI HÀNH – Tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ năm số 115, ngày 29-7-1971.

CHIẾC NÓN BÀI THƠ

Văn thi sĩ, và nhiếp ảnh viên của ta quả không có nói láo chút nào hết, khi họ ca ngợi chiếc nón lá bài thơ.

Nó đẹp mộc mạc, và dân tộc lắm.

Nhưng kỳ lạ lắm là nó chẳng khác chiếc nón lá của nông dân là chút nào hết. Nó chỉ được thoa một lớp dầu bóng và bên trong thấy dạng dạng những nét ngoằn ngoèo chớ cũng chẳng là bài thơ Đường thơ Việt nào.

Mà, đó là chi tiết, đường nét lớn thì nó cũng y hệt như nón lá nông dân.

Thế thì chiếc nón là bài thơ đẹp chỉ nhờ người đội nó mà thôi. Đó là cáo mượn oai hùm, chớ riêng lấy nó, không có sự nâng đỡ của các tiểu thơ kiều diễm thì nó chỉ giống cái phần trên của chiếc nấm mối, mà một ngư ông đội nó, ngồi dựa bờ sông vắng thấy hình ảnh chiếc nấm mối rõ ràng.

Nhưng quả nó đẹp thật khi mà các nữ sinh áo trắng đội nó, đi qua các đường làng, hoặc các phố vắng của những thành phố nhỏ.

Hồi tiền chiến các cô đào chiếu bóng Huê Kỳ sang du lịch Việt Nam, cô nào cũng mua vài chiếc, nhớ đâu như là cô Mac Donal người đóng cặp với Maurice Chevalier đã mua hàng lô.

Nhưng tôi không bảo đảm tên của cô Đào cũng. Đó là một ngôi sao mà có lẽ đã thành bà cố rồi, không ai mà nhớ tên cho được.

Trả lời các cuộc phỏng vấn cô ấy cho biết là cô ấy mua về để làm... chụp đèn.

Ấy, sợ dĩ cô ấy (nay đã thành bà lão ấy, – nếu bà ta còn sống) không tôi, là vì súng lấy nó, nó không đẹp gì hết. Hơn thế nó lại gặp ra bất tiện mà dân Sài Gòn nay đã bắt đầu bực mình lắm rồi.

Khi các cô này đội nón nhảy lên xe buýt xe lam, vào thương xá T.A.X. thương xá Tam Đa thì thiên hạ sợ các cô như sợ cọp, vì cô nào cũng to lớn bằng hai, mặc dầu thật sự thì các cô có mình hạc xương mai.

Vành nón to quá, phủ cả vai các cô, và các cô quẹt bên này, chạm bên kia, y hệt như những người mới học lái ô tô.

Cũng may là phái ta mi cao hơn các cô, chớ cậu nào thiếu thước tắc đã bị vành nón quai vào mắt và rất dễ mắc cái bệnh của cụ Đồ Chiểu lắm đó.

Hiện nay công nghệ ta đan những cái nón bằng cói tương tự như nón đầm và một số phụ nữ bắt đầu dùng.

Nón ấy vành nhỏ và không gây hại cho ai hết.

Nón ấy không có dân tộc tính như nón bài thơ thật đó, nhưng nó lại không làm khổ dân ở đô thị.

Vậy dám cúi xin các thiếu nữ Sài Gòn khoan dân tộc tính để đội thứ nón nhỏ ấy cho đỡ khổ thiên hạ, chở khách đi xe

lam, cậu nào cũng đã ít lắm một lần bị trầy da mặt.

Dĩ nhiên là ở tỉnh, rộng rãi, các cô tha hồ mà giữ dân tộc tính, còn ở Sài Gòn thì xin tha cho.

Loại nón ta bằng cối có nhuộm màu ấy, có vẽ là nón đằm, nhưng thử hỏi trong người các cô có cái gì không là đằm hay chẳng?

Hình như phụ nữ ta xưa không có dùng xú cheng, mà cũng không có sơn móng tay móng cẳng gì cả, không có gắn lông nheo giả bao giờ mà cũng chẳng có trồng răng giả nữa,

Cái xấu mà quý cô cảm nơi lòng cũng chẳng phải là của tổ tiên ta, thì hy sinh thêm chiếc nón lá bài thơ, chắc cũng không mất dân tộc tính hơn bao nhiêu,

mà đẹp không hay.

Xe đạp đang xuống dốc lớn, quai nón lỏng lẻo thế nào mà nón lại sụp tới phía trước, che cả mặt người đội nón. Thế là ngã xe.

Đó cũng là một câu chuyện tiền chiến, mà các cô đi xe đạp không chạy như vũ bão bằng các cô cưỡi xe Honda ngày nay.

Không phải ngày nào, năm nào cũng có một vài cô bị chiếc nón bài thơ đùa rần mắc như vậy, nhưng tai nạn quả đã có xảy ra với một chiếc xe đạp mà tới độ khớp đáng kể, vậy mà kẻ té xe cũng đã chết như thường trái lại rất hợp với dân tộc tính của dân ta là hiền lành,

Chiếc nón lá bài thơ có vẻ để quốc lắm vì rõ ràng là nó giành giựt rất nhiều

khoảng không gian ở trên các loại xe công cộng và ở những nơi buôn bán chật hẹp, khiến người khác tiến thối rất khó khăn.

Đội nón lá bài thơ ở một đô thị lớn, giống hệt như cất nhà mà làm mái hiên quá rộng, nó chồm ra ngoài nhiều quá, ăn gian ánh nắng của khách đi đường.

Xin kể một câu chuyện tiền chiến, quý cô nghe mà lạnh mình chơi. Quý cô còn quá trẻ không hề biết những gì xảy ra trước năm 1945.

Thuở ấy có một loại ô tô mà bánh xe không đặc ruột như ngày nay, má có cãm như bánh xe đạp.

Và thuở ấy người đẹp bắt chước đầm, choàng loại khăn écharpe mà họ gọi là khăn sạt, quá dài, trùm đầu rồi quấn

ngang cổ hai ba vòng, nó vẫn còn kéo lê thê dưới mặt đường. Ấy một hôm một cậu công tử chở người đẹp đi dạo mát. Người đẹp lên xe sau công tử, y đã lên phía bên kia tay lái.

Đuôi khăn bị gió đẩy vào cãm xe mà người đẹp lại đóng cửa xe lại không khít.

Rồi thì công tử cho xe vọt liền. Bánh xe quay, kéo đuôi khăn theo, thế là người đẹp bị thắt cổ chết tươi, không kịp kêu la, công tử ngồi kế cũng không hay biết, chỉ một lát sau, thấy người đẹp không trả lời mình day lại thì nàng đã hui nhị tì rồi.

Ấy cái khăn “sạt” dài lê thê gieo họa như thế đó thì vành nón bài thơ xòe ra quá lớn cũng có thể bị vướng cái gì đó và quý cô sẽ mang họa.

Cái gì đó thì chính mắt kẻ viết bài đã thấy rồi.

Thôi nhá! Cái món đồ dân tộc dễ yêu đó nó linh kinh như vậy thì quý cô không nên tiếc làm gì, nếu quý cô là dân ở các đô thị lớn.

Mỗi người nên xếp tay lại, thì đường phố sẽ đỡ chật chội, chớ mạnh ai nấy huơ tay lia lịa thì không còn khoảng trống để mà lưu thông nữa, mà chiếc nón ấy nó giống hai cánh tay khuynh ra để giành chỗ lắm.

Dân Mẽ Tây Cơ họ đội nón vành còn to hơn nhiều lắm kia. Nhưng họ đội lúc đi ngoài đày, chớ vào thành phố lớn thì không.

Ở ngoài đồng trống thì đội cả một chiếc ô loại ô của bồi lữ quán đưa khách ra xe khi trời mưa, cũng không sao, còn

ở đất Sài Gòn này thì vỉa hè Lê Lợi hẹp tí, thế mà bên trong là một dãy hàng sách, bên ngoài là một dãy hàng tơ lụa, ở giữa chỉ còn nhỏ rắng chiếc khăn mu xoa, một cô đội chiếc nón lá bài thơ đứng chọn một quyển sách là phải cản đường.

Con đường tối hù đó lại không có phú lịch công lộ khai thông sự nghẽn lối thì quý cô thử tưởng tượng sự ứ đọng nó như thế nào.

Còn nhớ những năm 1943, 1944 mà Sài Gòn bị phi cơ đồng minh dội bom liên miên.

Các bà đầm chạy xuống hầm núp với dân chúng, rất ưa đội nón lá bài thơ. Các bà làm an nam mít trá hình ấy mà, ngỡ hòa mình như vậy, đỡ sợ bị cướp giật hoặc sát hại.

Nhưng Sài Gòn thuở đó chỉ có hai trăm ngàn dân mà hết phân nửa đã chạy về tỉnh rồi, chỉ còn có một trăm ngàn người, tha hồ mà choán chỗ.

Còn bây giờ thì Sài Gòn đông tới hai triệu, tức 20 lần hơn những năm đó, mà thành phố thì không được nở rộng thêm chút nào hết, có thể còn bị thu hẹp nữa là khác vì sau trận Tết Mậu Thân, có rất nhiều gia đình rời ngoại ô để vào ở trung tâm, thì cảnh chen chúc còn kinh khủng hơn nhiều, kể từ năm đó.

Dân chủ là một lời van xin, không khó các cô lại mắng là độc tài vì các cậu có quyền để tóc dài, thì các cô cũng có quyền đội nón lớn để quẹt vào mặt người đi cạnh các cô.

Đó là tự do cá nhân của các cô. Nhưng có hơi phiền là tự do ấy có làm

sút mẻ một chút xíu tự do của những người kế cận.

KHỞI HÀNH – Tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ năm số 116, ngày 05-8-1971.

AI SẢN XUẤT

Có những món đồ là cầm nơi tay mỗi ngày, nhưng không bao giờ nhìn kỹ nó. Chắc không ai nhìn làm gì để thấy cái hộp diêm của ta mỗi ngày nó mỗi thấp xuống vài li, và cũng không ai cắt một hộp diêm năm 1965 để đo với hộp diêm năm 1971, dầu thấy sự chênh lệch quá lớn vì bề cao, giữa hai hộp diêm, và sự chênh lệch quá lớn về giá tiền, càng thấp xuống thì hộp diêm được ghi giá càng cao lên.

Hộp diêm là món mà đàn ông cứ mười lăm phút là cầm tới nó một lần.

Như vậy thì cái hóa đơn thầu tiền diêm, mỗi tháng đến tay các bà nội trợ có một làn, có lẽ còn ít được nhìn hơn.

Nhưng đàn bà lại tinh quái hơn đàn ông.

Mặc dầu chẳng hiểu gì hết về những con số ghi trong các ô nhiều vô số kể lắm đó, họ vẫn nhìn. Chỗ kém của đàn ông là ở nơi đó.

Đàn ông chỉ chuyên môn nhìn kỹ đàn bà, mặt mũi, tay chân của người ta đến bị họ chụp ảnh kỹ lưỡng bằng mắt. Nhưng những cái đáng nhìn hơn, họ bỏ qua đi, trong khi đó thì phụ nữ lại nhìn.

Và nhờ nhìn lâu ngày chày tháng nên các bà nội trợ họ khám phá ra được một

chuyện kỳ thú.

Họ thấy trong đó có một ô, đề là Thuế sản xuất. Họ hỏi đàn ông:

– Có thứ thuế gì tên là thuế sản xuất không anh?

– Có chớ, sản xuất bất cứ món gì, từ cái bơm đèn, đến cái lưỡi cày, cũng bị đánh thuế hết. Nhưng sản xuất trẻ con thì trái lại được miễn thuế, đôi khi còn được tiền phụ cấp nữa.

– Vậy nếu ta sản xuất kem bằng điện thì tự nhiên ta bị đánh thuế?

– Chớ sao.

– Mà bị đến hai lần?

– Đâu có, chỉ một lần thôi.

– Không, hai lần. Nhà ông Ngọc đăng

kia đã bị đánh thuế sản xuất kem, còn ta không có sản xuất gì hết, cũng bị đánh thuế sản xuất khi xài điện. Thế nghĩa là ông Ngọc bị đánh thuế sản xuất đến hai lần, thuế sản xuất kem và thuế sản xuất điện.

Người đàn ông chỉ làm thính. Người đàn bà lại nói:

– Nhưng sản xuất điện là nhà máy điện họ sản xuất, chớ nào phải các người tiêu thụ điện.

– Ủ.

– Kẻ sản xuất có làm sinh lợi thì bị đóng thuế là hữu lý. Kẻ tiêu thụ mà bị đóng thuế sản xuất nghĩa là làm sao? Có lẽ nhà máy điện cũng phải đóng thuế sản xuất. Mà như vậy nhà nước ăn tiền đến hai lần trong đó có một việc sản xuất.

– Biết đâu thuế đó là thuế gián thu. Nhà máy điện sản xuất, nhưng nhà nước đánh vào ta.

– Thuế gián thu là thuế gì?

– Thí dụ tơ lụa nhập cảng. Nhà nước đánh đủ thứ thuế lên đó, nhưng người nhập cảng và người bán đóng lấy. Ta là người mua ta không hay biết gì cả, chỉ thấy nó ghi giá 1.200 đồng một thước, ta trả tiền để lấy hàng, có dè đâu bọn nhà buôn bắt ta chịu những sắc thuế mà họ phải đóng, tơ lụa giá chỉ có 80 đồng một thước mà họ bán 200 vì họ gom thứ này thứ nọ vào trong đó.

– Em đã hiểu thuế gián thu là gì rồi, Nhưng trong trường hợp diêm là trực thu rõ ràng, vì họ bắt người tiêu thụ đóng.

– Ủ, nhưng bắt ai đóng rồi thì cũng cứ là người tiêu thụ chịu.

– Nhưng ta chịu làm sao được khi mà nhà sản xuất hưởng lợi chớ không phải ta.

– Thuế gián thu là một loại thuế bá vơ đánh vào người nhà buôn không được thì họ đánh vào là một cách kín đáo. Cái đó có thể cho qua. Đằng này họ đánh vào nhà sản xuất được vì họ có lý do đánh, bởi nhà sản xuất hưởng lợi chính nhờ sự sản xuất của họ.

– Đây anh coi, có một ô tên là thuế trước bạ ghi là 40 đồng. Trước bạ thì đáng lý ra cũng do kẻ hưởng lợi gánh lấy. Nhưng cái lệ đã quen là do kẻ tiêu thụ phải chịu, thì xí xóa được bởi nhà sản xuất họ nói họ chẳng cần trước bạ cái gì hết thì rất khó mà bắt họ phải lòi tiền ra.

Nhưng về mặt sản xuất thì rõ ràng là họ sản xuất, họ hưởng lợi nhờ cuộc sản xuất đó, thế mà người tiêu thụ phải đóng thuế sản xuất chớ không phải nhà đèn thì nghĩa là làm sao?

– Anh đã bảo thuế nào, tên là gì, rồi thì cũng cứ người tiêu thụ chịu, bởi một hiệu chạp phô đóng thuế lợi tức vào thuế môn bài thì họ lên giá hàng, thay vì bán tôm khô một trăm rưỡi một ký lô, họ bán hai trăm.

– Đành vậy. Nhưng thà là làm như vậy, nhà đèn cứ gánh lấy thuế sản xuất rồi tăng giá điện, chớ người tiêu thụ mà đóng thuế sản xuất thì có tréo cẳng ngỗng hay không?

– Đó là em nói chuyện nguyên tắc. Nhưng ta nên thực tế thì hơn.

– Em nói chuyện nguyên tắc là vì nhà nước làm gì cũng theo nguyên tắc hết, chớ đâu có theo thực tế bao giờ. Sao về giá điện thì lại theo cái chuyện không nguyên tắc tí nào hết?

– Anh hỏi em vậy chớ khi nào nhà nước đánh thuế khí trời mà mình thở thì nhà nước biết kẻ sản xuất ở đâu để mà theo nguyên tắc. Ông trời vốn với lên không tới thì sẽ cứ mấy thằng thở không khí là phải chịu thuế sản xuất không khí.

– Nhưng em bỏ cả công việc để đọc tỉ mỉ từng chữ trong các hóa đơn điện này, thảo nào cơm bữa nào cũng khê hết.

Có nhiều thứ giấy tờ mà là không bao giờ nên đọc.

– Thứ nào không nên đọc?

– Thí dụ những tờ giấy cổ động của các ông cử trí dân biểu. Họ nói rất giống nhau, thì một trăm như một, mà cái một tờ ấy thì họ đã nói miệng từ khuya rồi, không đọc là cũng biết.

– Họ đâu có nói giống nhau.

– Có chớ! Nếu có cái máy ép và đúc kết thì thấy chung quy cũng chỉ là vì dân, vì nước, công bình xã hội, hòa bình tức khắc, chống áp bức, chống tham nhũng, chống buôn lậu, không hề có ai vì phụ cấp hoặc bổng lộc nào hết.

– Nhưng đừng có đi ra ngoài đề. Em đang nói chuyện thuế sản xuất điện lực mà tiêu thụ phải chịu đây nè.

– Tại sao em lại chậm hiểu dữ vậy? Nếu nhà đèn gánh chịu thì rốt cuộc cũng cứ là ta phải đóng.

– Nhưng thà là như vậy, chớ không ai lại bắt kẻ tiêu thụ đóng thuế sản xuất, trong khi có nhiều nhà sản xuất lại khỏi phải đóng món thuế ấy.

– Có nhà sản xuất nào đâu mà khỏi đóng thuế sản xuất?

– Có. Thí dụ nhà đèn.

– Chưa chắc họ khỏi đóng thuế sản xuất. Mà như vậy té ra nhà nước thu thuế sản xuất đến hai lần cho một sản phẩm hay sao.

– Mệt lắm. Em làm anh muốn hóa diên. Từ rày không nên đọc những đồ ba lớp ấy nữa.

– Nếu dân không cần đọc thì nhà đèn in ra làm gì cho tốn giấy, tốn tiền in.

– Chắc anh phải gửi em đi Biên Hòa

mới được vì trong hai triệu dân Sài Gòn, chắc chỉ có một mình em là đọc hóa đơn của nhà đèn. Những bà nội trợ khác, họ nghe thu ngân viên gõ cửa, hô to lên số tiền phải đóng là họ đóng ngay, và chịu lỗ năm bảy đồng bạc, vì hóa đơn là 572 đồng chẳng hạn mà thu ngân viên thì không có 8 đồng bạc lẻ để thối lại.

– Đó còn là một chuyện đáng nói nữa. Dân Sài Gòn mỗi ngày mỗi người mất cho thiên hạ hằng trăm bạc, đi mua vé xi-nê cũng bị các cô bán vé không có tiền lẻ thối lại, đi gọi xe đạp cũng thế, đóng tiền đèn cũng thế.

Không hiểu sao các cô bán vé ăn mặc sang trọng quá, có tướng mạo tử phú quá mà phải ăn chặn của khán giả mỗi người năm ba đồng mà ăn mày cũng chê.

– Ủ, ăn mày ngày nay cho họ 5 đồng họ mắng cho mà ê mặt.

– Nhưng các cô sang trọng đó lại không chê.

– Như vậy là các cô đáng tội nghiệp hơn ăn mày, em đừng có công kích người đáng thương.

– Bình dữ quá! Họ đẹp lắm, nhưng anh sức mấy mà bình họ. Chưa chắc một chiếc xe hơi cũ mà rước được họ đâu, huống chi anh chỉ cưỡi Yamaha thì đừng có bình vô ích.

– Đi xa quá, nên đi Biên Hòa đi đỡ tốn tiền xe hơn. Kẻ nào mà đọc hóa đơn của nhà đèn thì kẻ ấy cần phải được điều trị ít lắm là một tháng. Nếu em là giới bình thường, em để thì giờ để đọc báo, đọc sách, để nhìn lá bài tứ sắc mà em cầm hằng ngày.

– Anh đổ em chữ Tướng viết làm sao? Đó, em đã nhìn coi Tướng mỗi ngày mấy tiếng đồng hồ và từ bao nhiêu năm rồi, em có nhìn kỹ bằng nhìn kỹ hóa đơn nhà đèn hay không nè?

Anh dám cam đoan rằng tất cả các bà đánh tứ sắc suốt 50 năm trong đời họ, không bà nào biết viết chữ Tướng hết. Mà chữ Tốt, chữ Chốt là chữ dễ hơn, các bà cũng chẳng biết viết.

KHỞI HÀNH – Tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ năm số 117, ngày 12-8-1971.

NGHỆ PHẨM DI CƯ

Rất nhiều người hoảng hốt mà thấy những cái lọ Thánh Hóa, loại lọ cổ mà giới chơi đồ sứ trên thế giới gọi là loại BASE CHOCOLATÉE, mà thấy tượng Chàm ở miền Trung lọt vào tay người ngoại quốc rồi ra khỏi nước Việt Nam quá nhiều, nên tự hỏi nhau, làm thế nào để ngăn chặn cái tai họa ấy đối với một nước vốn nghèo nàn cổ tích.

Xin trả lời ngay rằng không có cách nào cả. Ngay như ở nước Ý Đại Lợi vẫn

minh mà chánh phủ lập ra một cơ quan to để bảo vệ cổ vật, thế mà vẫn không tránh được thì đừng nói chi về xứ ta cả mà không có ai lo về chuyện đó hết.

Một nhà văn đã viết bài tố cáo một ông bị ăn cắp sách ở thất viện, có bằng chứng hẳn hoi là bức thơ xác nhận của kẻ cắp, thế mà thủ phạm cũng vẫn không bị việc gì thì tượng Chàm tưởng ít quý hơn sách thì đừng sốt ruột mất công.

Nhưng ta cũng nên biết rõ hơn về vấn đề mất nghệ phẩm và thu hồi nghệ phẩm. Khi một quốc gia, biết quốc gia khác đang tàng trữ nghệ phẩm của mình trong bảo tàng viện của họ, thì họ làm thủ tục ngoại giao kín để đòi lại.

Nước tàng trữ có thể vì lịch sự ngoại giao mà trao trả, nhưng họ cũng có thể không trả mà nước chủ như nghệ

phẩm cũng chẳng làm gì họ được. Đừng có mong mỗi nơi tòa án quốc tế mà hoài công.

Vì sao?

Lấy thí dụ nước Việt Nam và nước Mỹ Tây Cơ. Nếu Mỹ Tây Cơ đang tàng trữ một cái lọ Base chocolatée Thanh Hóa, ta đòi họ, họ bảo rằng họ mua của Trương Phụ đời Minh tại Trung Hoa thì sao?

Dưới thời Trương Phụ, quả đã có các cố đạo Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha sang Tàu rồi, và quả tướng Trương Phụ đã ăn cắp văn nghệ phẩm của Việt Nam.

Kẻ cắp đã chết rồi thì chánh phủ Tàu phải chịu trách nhiệm, còn Mỹ Tây Cơ chỉ mắc tội oa trử của gian mà thôi.

Nhưng là lại không làm gì chánh phạm được thì đừng có mong kiện đồng lõa.

Ta chỉ còn một cách là cất binh sang đánh Trung Hoa và đánh Mẽ Tây Cơ, nhưng ta sức mấy mà dám làm như vậy. Và lại cũng không ai điên dại đổ ra hàng trăm tỷ bạc và hàng vạn sanh mạng để đòi lại một cái lọ bao giờ.

Đó là nói chuyện chánh phủ này đối mặt với chánh phủ nọ, chớ nếu nghệ phẩm mà lọt vào tay tư nhơn thì vô phương cục kịch, vì tư nhơn họ giấu nghệ phẩm ấy kịp lúc để mà nghi trang, hơn thế họ cũng có thể bảo là họ mua của ai đó.

Thí dụ một tỷ phú Huê kỳ ngày nay có thể bảo là ông ta mua tượng Chàm của Việt Cộng qua trung gian của người

Thượng, vì quả có vài vùng có tượng Chàm ở trong đất có người Thượng cư ngụ và có bị Việt Cộng chiếm đóng tạm một thời gian ngắn ngủi nào đó.

Nhưng thường thì các chánh phủ đành chịu vậy, có thể các tư nhơn ngoại quốc mới dám chùng bày ra công khai cho mọi người cùng nghiên cứu, kể cả ta cũng được nghiên cứu tự do, chớ nếu có luật quốc tế nào làm khó dễ họ quá lắm, là những món ấy sẽ bị giấu luôn trong buồng kín, thì cũng tai hại cho ta nhiều hơn nữa.

Mấy lúc gần đây chúng tôi bị bạn hữu trách móc đã bán tiểu thuyết cho người ngoại quốc làm phim.

Nhưng trường hợp của chúng tôi khác hẳn, tưởng không cần phải phân trần gì, nhưng cũng nên nói rõ mọi việc.

Thứ nhất, vụ bán chác ấy không hề có nghĩa là đưa văn nghệ phẩm ra nước ngoài, vì họ chỉ mua cốt truyện, còn cuốn truyện thì vẫn nằm trong lãnh thổ Việt Nam.

Hơn nữa vì khung cảnh trong đó, họ bắt buộc phải quay trong đất nước Việt Nam, tất cả mọi cảnh, và dĩ nhiên là tài tử và bao nhiêu chuyên viên đều là người Việt Nam hết ráo, không có người ngoại quốc nào nhúng tay vào đó hết.

Quay xong, phim cũng sẽ được sửa tại Việt Nam, được chiếu tại Việt Nam, và nếu họ có xuất cảng thì quan thuế Việt Nam lại được hưởng lợi.

Dẫu sao những lời trách cứ ấy cũng gây mặc cảm phạm tội nơi chúng tôi, và chúng tôi xin nói ra sự thật sau đây là các

bạn đó sẽ không rầy rà gì chúng tôi nữa cả.

Chuyện ấy, chúng tôi đã viết trên mười năm rồi, dưới đủ các hình thức: truyện ngắn, truyện dài và cả truyện phim nữa. Tất cả ba hình thức ấy đều đã được đăng báo, và đã được chúng tôi mang đi, đề nghị cho các hãng phim ta.

Nhưng tới đâu, chúng tôi cũng bị chê là quá dở.

Như vậy thì nay, nếu có ai “dại” mà mua cái của dở mà toàn quốc Việt Nam đều chê, thì tưởng đâu có gì phải tiếc.

Chỉ tiếc khi nào phim quay xong, mà rui ro nó hay mà thôi, đó là sự hối tiếc của nhà văn hào André Gide, cố vấn cho một nhà xuất bản, đã chê tác phẩm của Marcel Proust, xin nhà xuất bản đừng

mua. Đến chừng tác phẩm ấy nổi danh thì André Gide phải ngã ngựa ra mà thở dài.

Nhưng hiện giờ chưa ai biết số phận của chuyện phim ấy ra sao cả thì nên kể như là tôi đã bán một cái bát sành Lái Thiêu, chớ không phải là họ sứ Thanh Hóa.

Các nhà chơi đồ cổ họ bán những lọ sứ ấy. Không phải là họ không đau lòng. Nhưng họ đang túng tiền mà đồng bào ta lại không thèm mua thì họ còn giải pháp nào hơn nữa khi mà vợ họ đang ho lao chẳng hạn và họ rất cần tiền để chạy thuốc.

Nhưng, như chúng tôi đã nói qua rồi, cái vụ bán chác này, không hề là đưa văn nghệ phẩm ra ngoài biên giới, và nếu thành công, thì dĩ nhiên người

ngoại quốc hốt bạc, nhưng nếu được giải thưởng từ chính người Việt Nam giật lấy vì người ngoại quốc chỉ làm có một việc độc nhứt là xuất vốn!

Một tờ tạp chí Pháp vừa tiết lộ một chuyện dậy trời là hầu hết phim của Anh, của Ý, của Pháp, của Tây Đức đều được làm bằng vốn của... Huê Kỳ.

Và điều này còn động trời hơn nữa là ở các nước kể trên chánh phủ có trợ cấp cho kỹ nghệ phim.

Hóa ra các ông nhà nghề Pháp, Anh, Ý, Đức đã phải nai lưng ra mà đóng thuế cho ông nhà giàu Huê Kỳ hưởng.

Chánh phủ ta không có trợ cấp gì hết thì người ngoại quốc mà họ có lời, cũng chỉ nhờ vốn của họ chớ dân ta không có thiệt đồng xu nào cả, trái lại riêng tôi, tôi

còn được tiền để uống vài ly nước mía, mà chị bán nước mía sẽ có tiền nuôi con.

*

Tôi còn một chuyện kín riêng, tủi thân hơn nhiều là tôi có viết một quyển sử, chạy đi bán khắp nơi mà không ma nào thèm mua cả.

Nhưng một người ngoại quốc chịu mua với giá rất cao, để dịch ra tiếng ngoại quốc và xuất bản tại ngoại quốc.

Nhưng tôi cố giữ, cho nước Việt Nam, và tôi đang vay tiền để tự in lấy. Nếu bán được, có lời cũng ít hơn cái bản quyền mà người ngoại quốc ấy đề nghị, nhưng tôi quyết tâm chịu thiệt, vì bán như thế là tác phẩm sẽ lọt ra nước ngoài,

tuy rồi ngày kia ta cũng sẽ dịch lại, hoặc mua nguyên văn của tôi, nhưng nếu tôi bán thì nước ta sẽ xấu hổ đến đâu? Có một quyển sách, không hề bị cấm trong nước, mà cả nước không ai buồn biết nó, để cho người ngoại quốc biết thì buồn cho nước ta lắm!

Sở dĩ người ngoại quốc ấy nhận mua cuốn sử đó vì nó chứa đựng nhiều khám phá lớn về thượng cổ sử Việt Nam mà các ông Tây, làm mãi không xong, chớ không phải là nhờ văn hay hay cái gì cả mà trái lại văn trong đó rất dở vì đây là lần đầu mà tôi viết sử.

Tôi đã làm phiền một số bạn hữu nhưng đọc xong bài này, chắc rồi ai cũng hết buồn và hiểu biết giùm tôi một cách rộng rãi hơn. Tôi không có chạy theo tiền

mà bỏ cả danh dự của chúng ta, và tôi chưa hề sắm nổi một chiếc xe hai ngựa mà tôi mơ ước hơn mười năm nay!

KHỞI HÀNH – Tuần báo văn học nghệ thuật ra ngày thứ năm số 118, ngày 19-8-1971.

